CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

Ngày 30/09/2025	28,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**38.9%**	**-3.2%**

DT thuần
Q3/25
136
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.9| 39.1%
YoY: ▼30.0| -17.8%

LN thuần
Q3/25
47.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.1| 283%
YoY: ▲ 23.0| 94.1%

LN sau thuế
Q3/25
38.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.0| 262%
YoY: ▲ 19.6| 103%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
37.0%
YoY: +/-▲ 21.4%

ROE (TTM)
Q3/25
30.8%
YoY: +/-▲ 2.4%

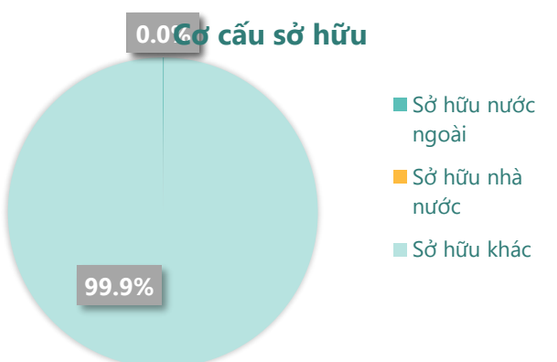
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 46,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	667
Số lượng CPLH (CP)	23,475,456
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,755
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.69
EPS	3,464
P/E	8.2

DT thuần
9T 2025
258
tỷ VNĐ
YoY: ▼71.0| -21.6%

LN thuần
9T 2025
62.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.5| 126%

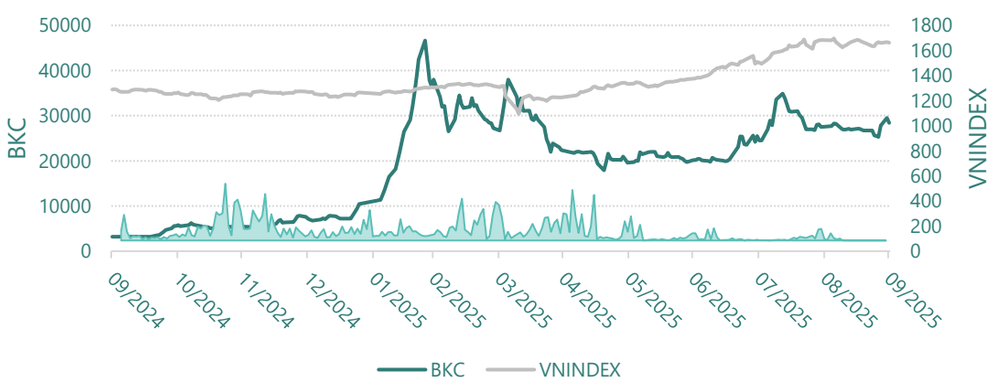
LN sau thuế
9T 2025
51.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.4| 125%

Cơ cấu sở hữu

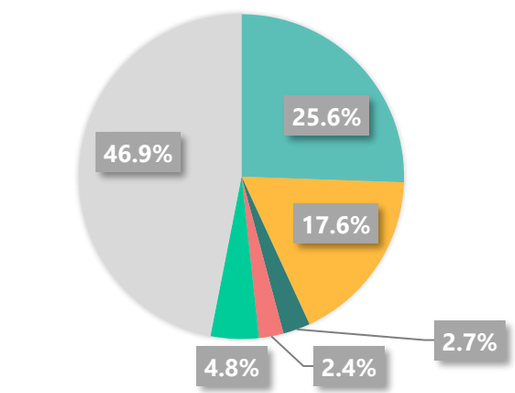


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



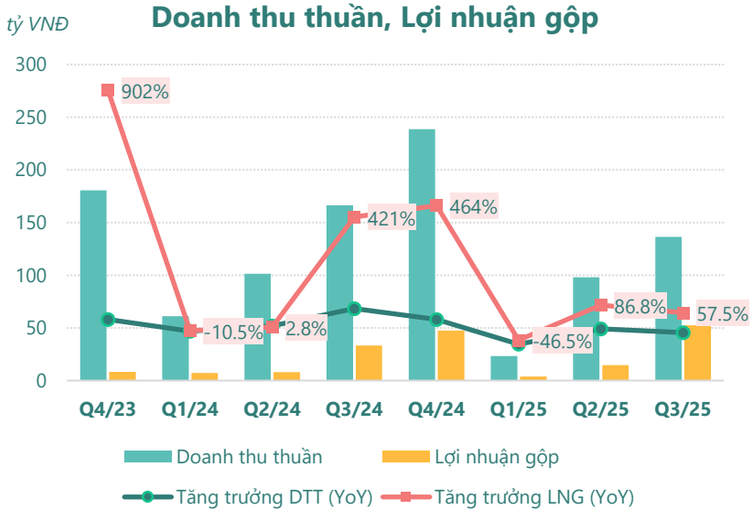
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

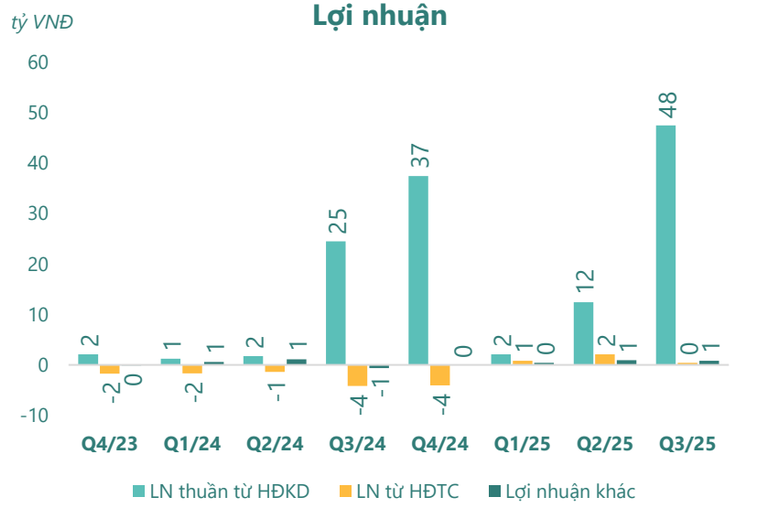
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



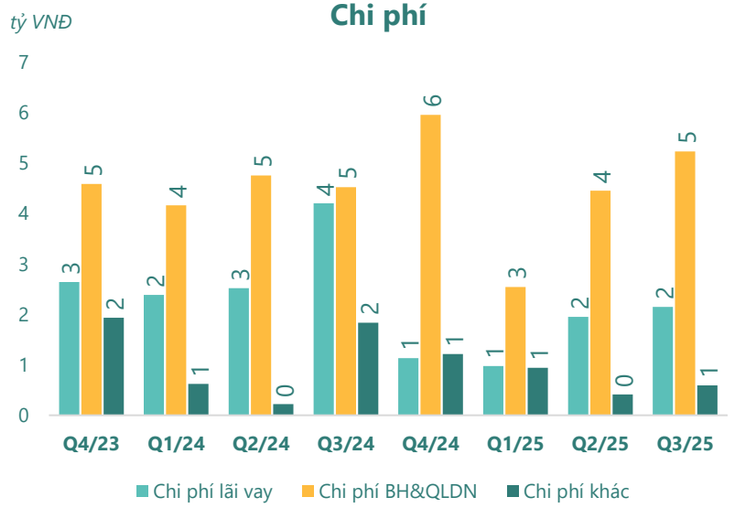
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



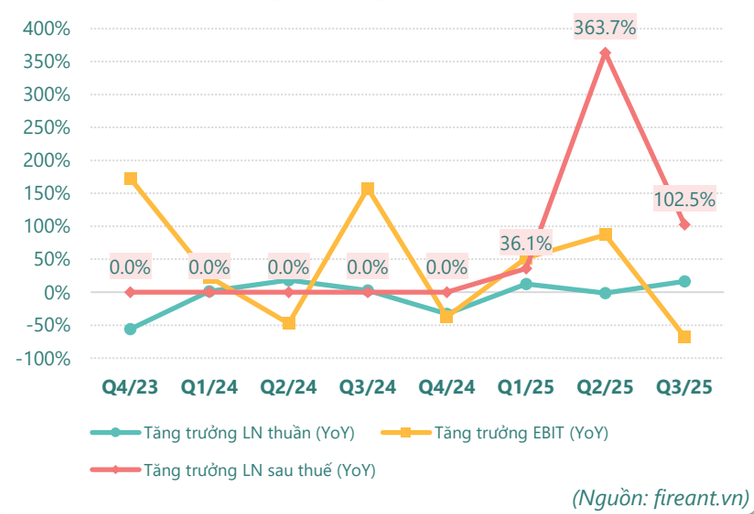
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



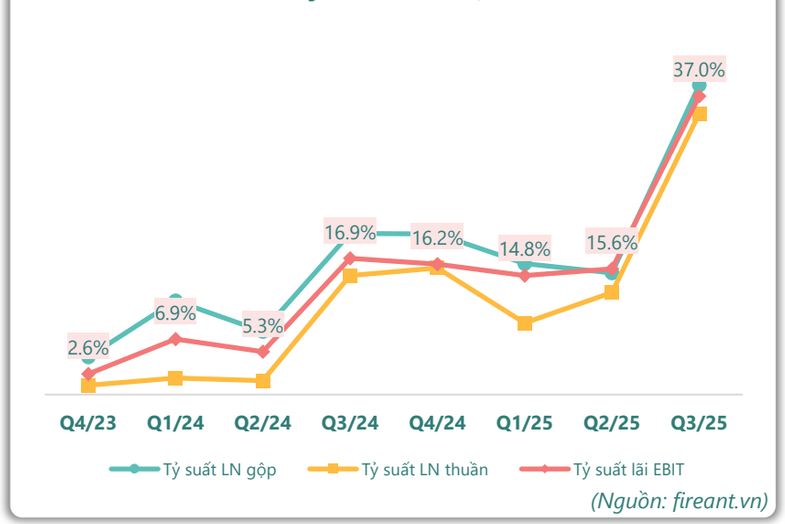
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



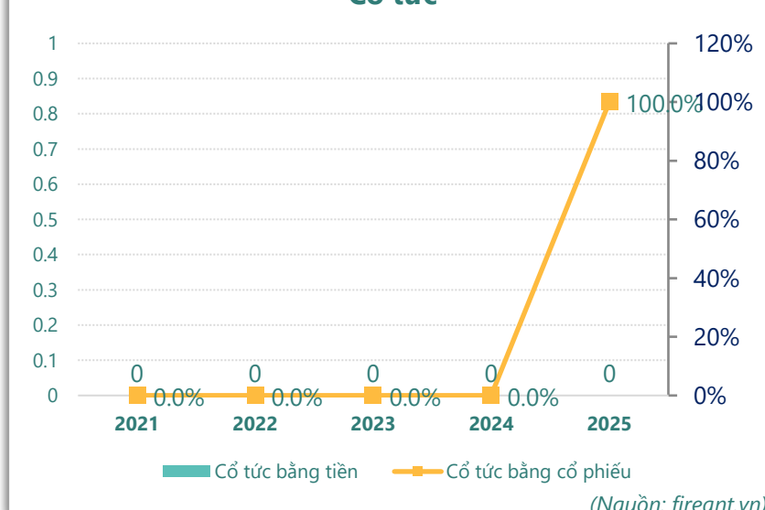
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

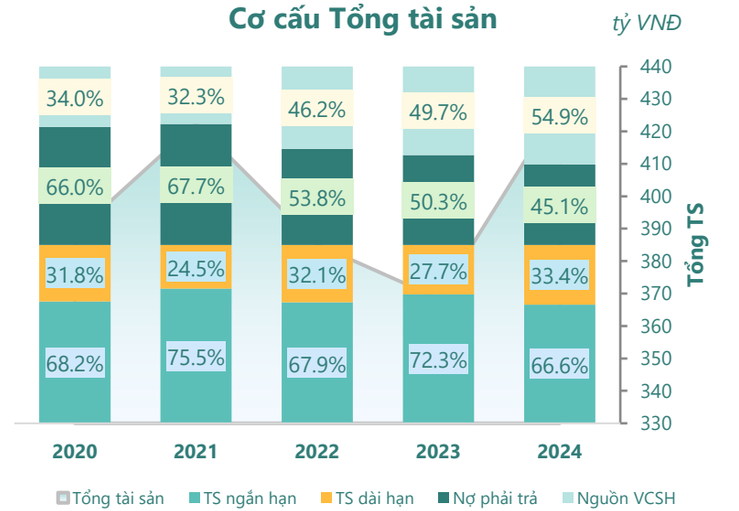
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

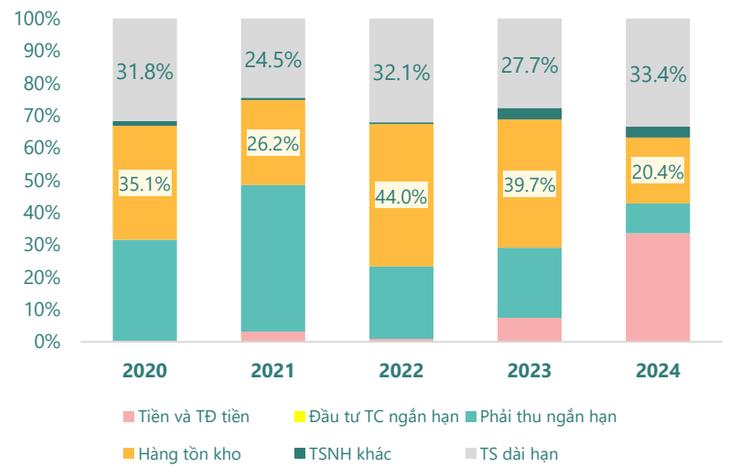
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



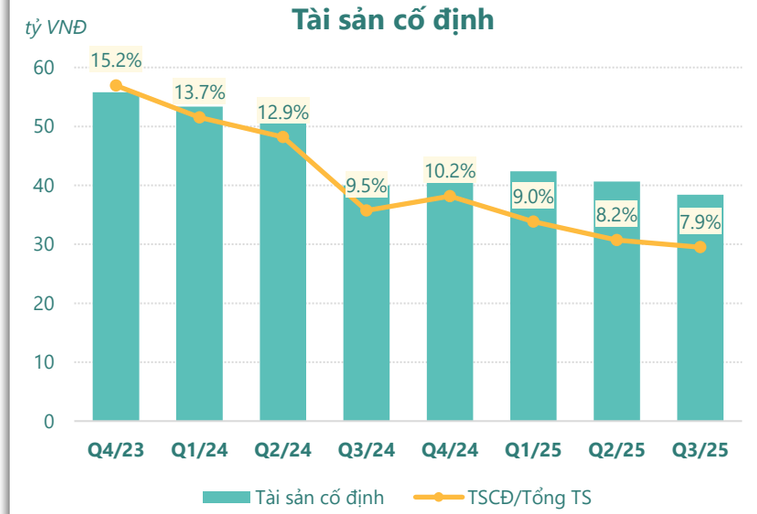
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



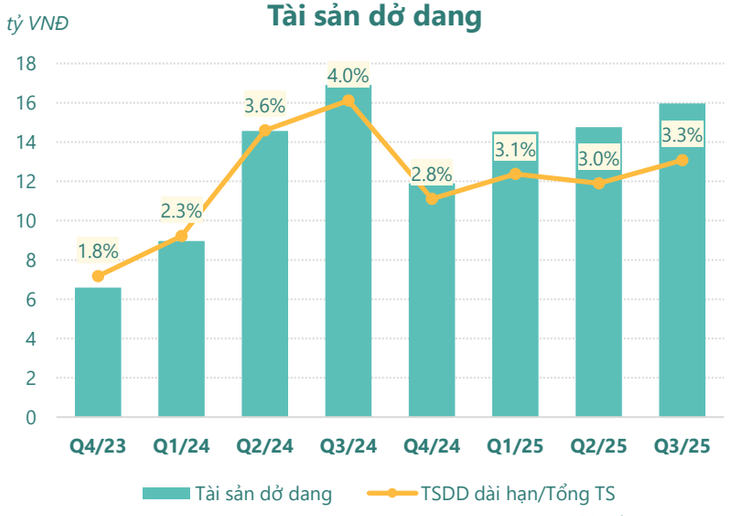
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



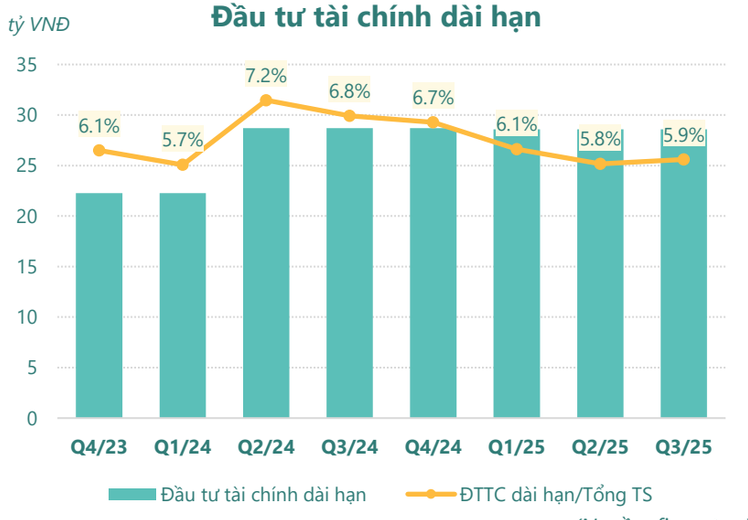
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



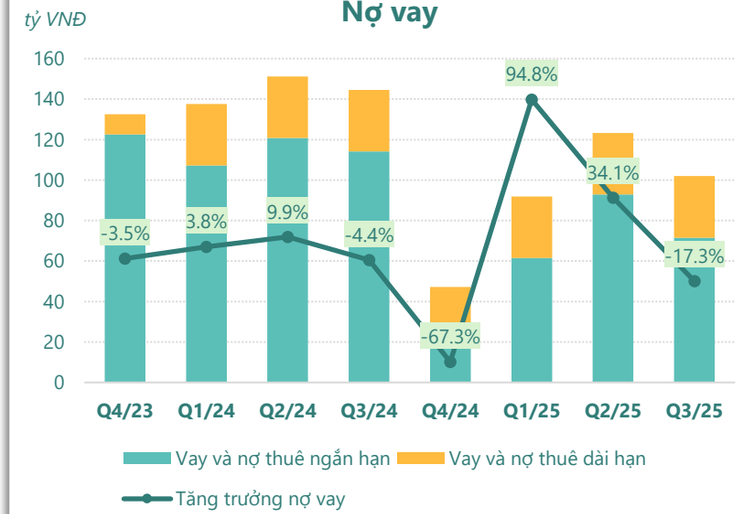
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

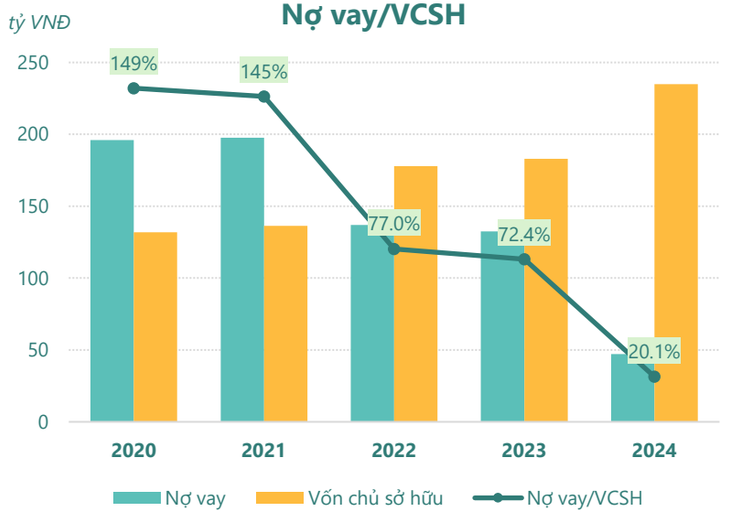
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

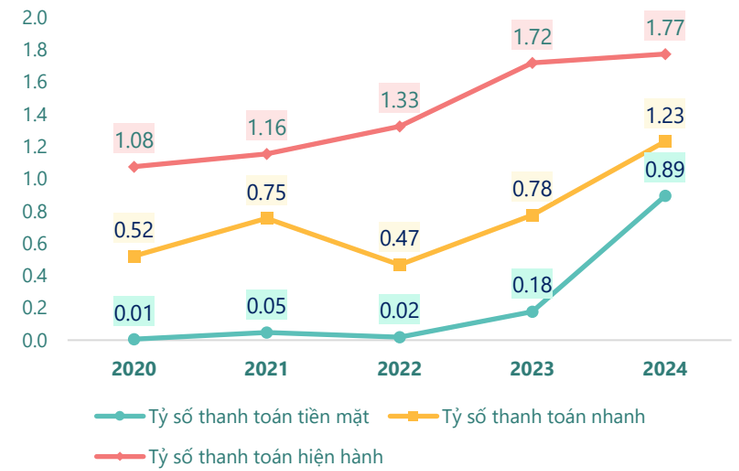
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



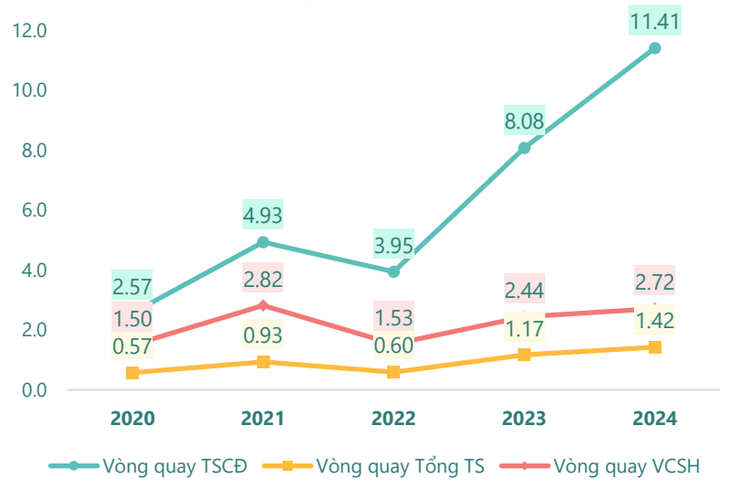
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



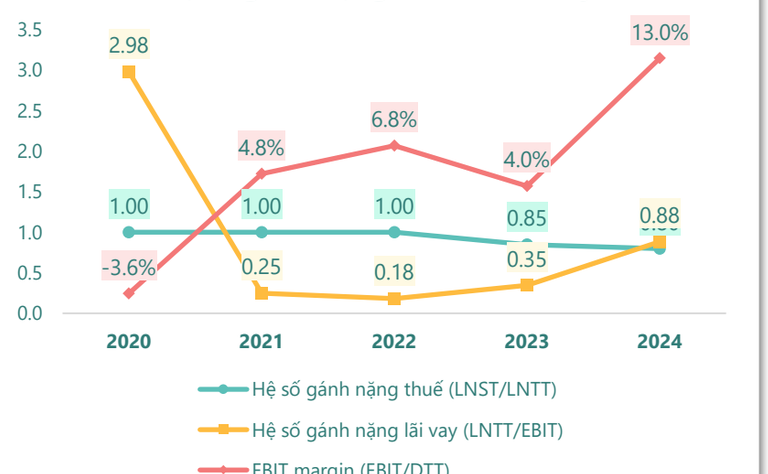
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



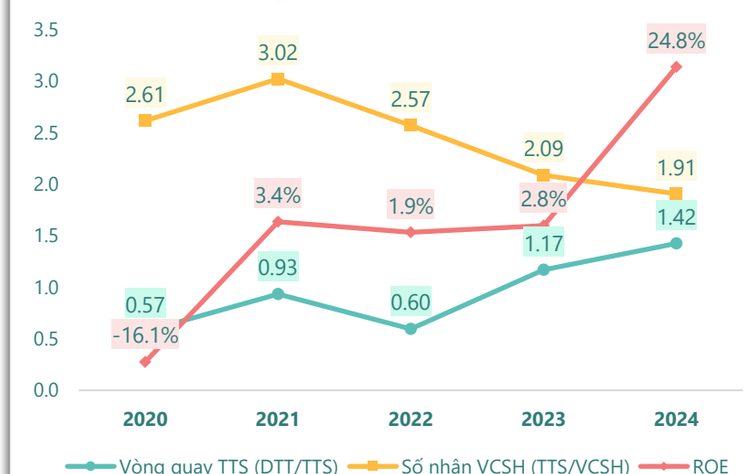
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



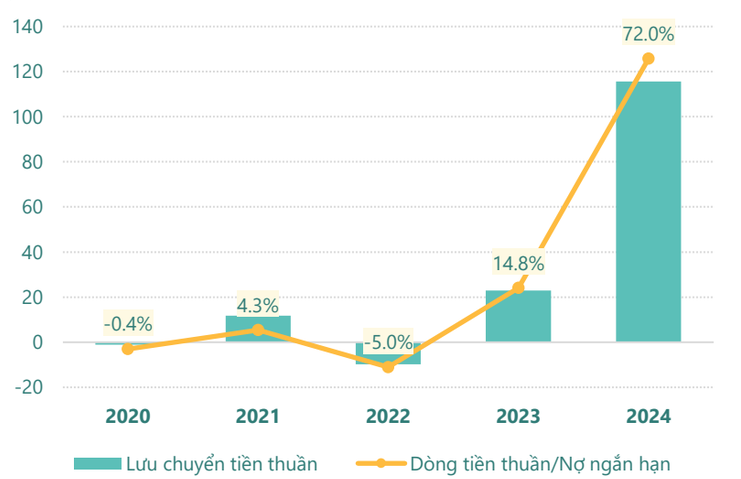
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**136**	**166**	**-17.8%**	**258**	**329**	**-21.6%**
Giá vốn hàng bán	84.1	133	-36.8%	187	281	-33.4%
Lợi nhuận gộp	52.4	33.2	57.7%	70.9	48.3	47.0%
Doanh thu HĐTC	2.70	0.01	26890%	8.54	1.82	369%
Chi phí TC	2.28	4.21	-45.8%	5.21	9.12	-42.8%
Chi phí lãi vay	2.15	4.21	-48.9%	5.08	9.12	-44.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.18	0.96	23.3%	2.14	2.20	-2.8%
Chi phí QLDN	**4.05**	**3.56**	**13.8%**	**10.1**	**11.3**	**-10.2%**
LN thuần từ HĐKD	47.5	24.5	94.1%	62.0	27.5	126%
Lợi nhuận khác	**0.81**	**-0.63**	**229%**	**2.14**	**1.08**	**98.3%**
LN trước thuế	48.4	23.9	102%	64.2	28.6	125%
Lợi nhuận sau thuế	**38.7**	**19.1**	**103%**	**51.3**	**22.9**	**125%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.7**	**19.1**	**103%**	**51.3**	**22.9**	**125%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.1	41.2	158	-85.0	-39.9	-35.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.0	4.33	-7.36	-72.3	-1.94	72.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.6	-6.69	-97.3	44.7	31.4	-21.4
Tiền đầu kỳ	9.45	52.3	89.5	144	32.8	24.9
Lưu chuyển tiền thuần	**41.7**	**38.9**	**53.6**	**-113**	**-10.4**	**15.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.11	-1.69	0.60	1.65	2.57	1.81
Tiền cuối kỳ	52.3	89.5	144	32.8	24.9	41.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**488**	**428**	**14.1%**
Tài sản ngắn hạn	323	285	13.4%
Tiền và tương đương tiền	41.7	144	-71.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	30.9	39.5	-21.8%
Hàng tồn kho	218	87.1	150%
Tài sản ngắn hạn khác	32.7	14.7	123%
Tài sản dài hạn	**165**	**143**	**15.4%**
Phải thu dài hạn	2.44	2.14	14.4%
Tài sản cố định	38.4	43.6	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.0	11.9	34.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**79.7**	**56.8**	**40.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	166	193	-14.0%
Nợ ngắn hạn	**134**	**161**	**-16.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.5	16.8	326%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	93.6	-76.9%
Nợ dài hạn	32.4	32.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**322**	**235**	**37.2%**
Vốn chủ sở hữu	**322**	**235**	**37.2%**
Vốn điều lệ	271	117	131%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)